TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST Ngày 14-4-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Thôn Đắc Lộc 2, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; hiện ở: Đường Nan Kan, Chang Xi li, quận Luzhu, Đoạn 334, 336, 338, Lãnh thổ Đài Loan; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Kim T, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Thôn Đắc Lộc 2, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; hiện chấp hành án tại đội 22, phân trại 2, Trại giam Hoàng Tiến; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn anh Trần Kim T tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy từ ngày 13/8/2010. Tuy nhiên trong quá

trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Sau đó chị đã sang sinh sống và làm việc tại Đài Loan từ khoảng tháng 09 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian này chị và anh T không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung. Chị được biết anh T hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn với anh Trần Kim T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 05/02/2012 và Trần Nhất Phong, sinh ngày 13/12/2013 hiện đang do anh T và ông bà nội nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn của chị D được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan.

- Bị đơn anh Trần Kim T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định xét xử cho anh T và đề nghị anh có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị D. Anh T trình bày: Việc anh và chị D đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Trong năm 2018, chị D đi nước ngoài, một thời gian thì giữa anh và chị Trần Thị D xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời gian ở nhà anh đã chơi bời. Anh và chị D mâu thuẫn nhưng chưa có biện pháp khắc phục. Đến nay anh cảm thấy có lỗi và vẫn còn yêu thương chị D. Bản thân anh đến nay chị D xin ly hôn thì anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D vì hiện nay anh đi tù, đồng ý ly hôn để chị D tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung như chị D trình bày là đúng. Quan điểm của anh muốn nuôi dưỡng cả hai con chung, nhưng hiện nay anh đang chấp hành án nên anh muốn ủy quyền cho ông bà nội của hai cháu nuôi hai cháu. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đề nghị chị D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Trần Kim T là ông Trần Văn Đổi, bà Lưu Thị Viền, Trưởng thôn Đắc Lộc 2, Công an xã Đoàn Xá. Tài liệu xác minh thể hiện: Chị D hiện đang ở Đài Loan, anh T đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung và tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị Trần Thị D và anh Trần Kim T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Trần Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị D và anh Trần Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị Trần Thị D và anh Trần Kim T là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Trần Thị D và anh Trần Kim T không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nơi, không có khả năng đoàn tụ. Anh Trần Kim T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 05/02/2012 và Trần Nhất Phong, sinh ngày 13/12/2013. Ly hôn chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, song hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên anh ủy quyền cho bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian anh chấp hành án. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu Trần Thị Yến Nhi được ở với mẹ, cháu Trần Nhất Phong có nguyện vọng được ở với bố. Xét, hiện nay chị D đang ở nước ngoài, anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Để đảm bảo quyền lợi cho hai con, cần giao cháu Trần Thị Yến Nhi cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Trần Nhất Phong cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị D có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Kim T. Chị D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; anh T có nơi cư trú tại Hải Phòng, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị D và anh Trần Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị D và anh Trần Kim T.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Trần Kim T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy từ ngày 13/8/2010. Theo quy định tại Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Trần Thị D và anh Trần Kim T hiện mỗi người sống một nơi, chị D ở nước ngoài, anh T đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, do vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D về việc xin ly hôn với anh Trần Kim T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Trần Kim T có hai con chung là cháu Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 05/02/2012 và Trần Nhất Phong, sinh ngày 13/12/2013. Ly hôn chị D đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, song hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên anh ủy quyền cho bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian anh chấp hành án. Quá trình giải quyết vụ án, hai con chung của chị D và anh T có đơn đề nghị gửi Tòa án thể hiện nguyện vọng của cháu Trần Thị Yến Nhi mong muốn được ở với mẹ, cháu Trần Nhất Phong có nguyện vọng được ở với bố. Xét, hiện nay chị D đang ở nước ngoài, anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, hai cháu hiện do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai con chung, cần giao cháu Trần Thị Yến Nhi cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Trần Nhất Phong cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T đang chấp hành án tại Trại gam Hoàng Tiến, anh T ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Trần Văn Đối và bà Lưu Thị Viền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Trần Kim T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Yến Nhi, sinh ngày 05/02/2012 cho chị Trần Thị D, giao con chung là cháu Trần Nhất Phong, sinh ngày 13/12/2013 cho anh Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Kim T ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Trần Văn Đổi và bà Lưu Thị Viền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Nhất Phong trong thời gian anh T chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào..

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000647 ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trần Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vinh **Vũ Thị Minh Nguyệt** **Bùi Thị Thúy Hà**